

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2393 /QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 29 tháng 10 năm 2018

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính ngành Công Thương thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương /UBND cấp huyện áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 338/TTr-SCT ngày 23 tháng 10 năm 2018,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính ngành Công Thương thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương/UBND cấp huyện áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Quyết định này sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 4,5,6 lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện được công bố tại Quyết định số 2034/QĐ-UBND ngày 17/09/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính ngành Công Thương áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.



- Các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn căn cứ vào Quyết định công bố này vào Website Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Kiên Giang tại địa chỉ: <http://bo.tthc.kien Giang.gov.vn> tải danh mục và nội dung chi tiết từng thủ tục hành chính để niêm yết, công khai và thực hiện đúng theo quy định.

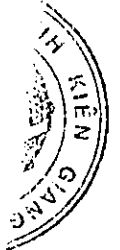
**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC - Văn phòng Chính phủ;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Website Kiên Giang;
- LĐVP, Phòng KSTTHC;
- Lưu: VT, phmanh.



**Mai Anh Nhị**



**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NGÀNH CÔNG THƯƠNG THUỘC  
THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG /UBND CẤP  
HUYỆN ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2333 /QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2018  
của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang)*

**A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH THUỘC  
THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
<b>I. LĨNH VỰC: XUẤT NHẬP KHẨU</b>					
01	Thủ tục lựa chọn thương nhân được phép tái xuất hàng hóa tạm nhập, tái xuất có điều kiện và hàng hóa tạm nhập, tái xuất theo Giấy phép qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới	17 ngày làm việc Trong đó: - 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Sở Công Thương trình Ủy ban nhân dân tỉnh biên giới danh sách thương nhân đáp ứng đủ điều kiện để thực hiện tái xuất hàng hóa qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới. - Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được danh sách đề nghị của Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân tỉnh biên giới công bố danh sách thương nhân được phép tái xuất hàng hóa qua các cửa khẩu phụ, lối mở biên giới.	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương	Không	Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương.

**B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THAM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
<b>I. LĨNH VỰC: LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC</b>						
1	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	Phí thẩm định: * Đối với tổ chức, doanh nghiệp: - Thành phố, thị xã: 1.200.000đ/lượt; - Tại các huyện: 600.000đ/lượt; * Đối với hộ kinh doanh: - Thành phố, thị xã: 400.000đ/lượt; - Tại các huyện: 200.000đ/lượt;	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu. - Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp giấy phép sản xuất rượu, giấy phép sản xuất thuốc lá;	Sửa đổi, bổ sung tên TTHC
2	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	Phí thẩm định: * Đối với tổ chức, doanh nghiệp: - Thành phố, thị xã: 1.200.000đ/lượt; - Tại các huyện: 600.000đ/lượt; * Đối với hộ kinh doanh: - Thành phố, thị xã: 400.000đ/lượt; - Tại các huyện: 200.000đ/lượt;	- Thông tư số 22/2018/TT-BTC ngày 22/02/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính.	Sửa đổi, bổ sung tên TTHC
3	Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	Phí thẩm định: * Đối với tổ chức, doanh nghiệp: - Thành phố, thị xã: 1.200.000đ/lượt; - Tại các huyện: 600.000đ/lượt; * Đối với hộ kinh doanh: - Thành phố, thị xã: 400.000đ/lượt; - Tại các huyện: 200.000đ/lượt;	- Thông tư số 22/2018/TT-BTC ngày 22/02/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính.	Sửa đổi, bổ sung tên TTHC